

Thứ hai, ngày 15 tháng 6 năm 2020

Vietnam Daily Review

HĐTL Dow Jones giảm sâu, VN-Index điều chỉnh mạnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 16/06/2020		•	
Tuần 15/6-19/6/2020		•	
Tháng 6/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index mở cửa với xu hướng giảm điểm nhưng đã hồi phục lại trong phiên sáng. Tuy nhiên, sang phiên chiều ngay khi HĐTL chỉ số Dow Jones chạm mức giảm gần 900 điểm, VN-Index cũng bắt đầu điều chỉnh mạnh với kết quả 17/19 nhóm ngành giảm điểm. Khối ngoại mua ròng mạnh trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Khối ngoại mua ròng mạnh nhờ giao dịch thỏa thuận 200 triệu cổ phiếu VHM, tương đương với 15,073 tỷ đồng. Thanh khoản thị trường giảm nhẹ so với phiên trước, biên độ dao động mở rộng và độ rộng thị trường tiêu cực cho thấy tâm lý lo sợ đang chủ đạo các hoạt động giao dịch. Việc sụt giảm nhanh chóng này nhiều khả năng sẽ khiến thị trường tiến vào nhịp vận động tại vùng 800-845 điểm trong giai đoạn tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết đều giảm điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp canh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 830 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 15/6/2020, chứng khoán cơ sở và chứng quyền đa số đều ở trong sắc đỏ. Khối lượng giao dịch tăng so với phiên hôm trước.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Ngành Dược_1.2%

Phân tích kỹ thuật: NVL_Xu hướng tăng (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index -31.05 điểm, đóng cửa 832.47 điểm. HNX-Index -3.09 điểm, đóng cửa 113.82 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: GVR (+0.29); STB(+0.14); HDB(+0.11); EIB(+0.11); NVL (+0.08).
- Kéo chỉ số giảm: VHM (-4.79); VCB(-3.82); BID (-3.0); VNM (-2.99); VIC (-2.71).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 6,369 tỷ đồng, giảm -7.8% so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 35.69 điểm, mở rộng so với phiên liền trước. Thị trường có 96 mã tăng, 45 mã tham chiếu và 291 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 14,856 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VHM (15,073 tỷ), CTG (47.65 tỷ) và POW (23.14 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -4.98 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoaabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

832.47

Giá trị: 6369.24 tỷ

-31.05 (-3.6%)

Khối ngoại (ròng): 14856 tỷ

HNX-INDEX

113.82

Giá trị: 623.32 tỷ

-3.09 (-2.64%)

Khối ngoại (ròng): -4.98 tỷ

UPCOM-INDEX

55.54

Giá trị: 0.44 tỷ

-0.41 (-0.73%)

Khối ngoại(ròng): 21.15 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá đầu	35.4	-2.32%
Giá vàng	1,715	-0.90%
Tỷ giá USD/VND	23,230	0.12%
Tỷ giá EUR/VND	26,132	-1.04%
Tỷ giá JPY/VND	21,643	0.16%
LS liên NH 1 tháng	0.9%	5.73%
LS TPCP 5 năm	2.1%	1.87%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	#####	VNM	80.7
CTG	47.7	VCB	32.8
POW	23.1	STB	27.6
FUEV/VND	16.6	HDB	26.2
STK	9.1	HDB	21.7

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH

Vietnam Daily Review

15/6/2020

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Ngành Dược_-1.2%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	12/24 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Ngành Dược	-1.2%	-1.2%	-2.1%	15.4%	-7.7%	-7.7%	18.3%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-1.6%	-1.6%	-1.2%	32.6%	3.1%	3.1%	15.8%
Nước & Năng lượng	-1.8%	-1.8%	-2.2%	25.7%	-10.8%	-10.8%	16.8%
Vật liệu Xây dựng	-2.1%	-2.1%	-2.8%	40.9%	-4.6%	-4.6%	20.7%
BĐS & Khu công nghiệp	-2.7%	-2.7%	0.8%	28.9%	-10.6%	-10.6%	17.9%
Bất động sản Khu công nghiệp	-3.2%	-3.2%	-3.6%	3.6%	3.6%	3.6%	25.9%
Xây dựng	-3.2%	-3.2%	0.0%	38.5%	-5.0%	-5.0%	19.2%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-3.2%	-3.2%	-4.3%	26.6%	-12.7%	-12.7%	18.0%
VN FinSelect	-3.2%	-3.2%	-0.2%	33.3%	-6.8%	-6.8%	20.0%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-3.4%	-3.4%	-0.2%	34.3%	-7.0%	-7.0%	21.5%
Top 10 cổ phiếu VN30	-3.5%	-3.5%	-2.0%	28.5%	-15.2%	-15.2%	16.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	-3.5%	-3.5%	-2.0%	30.5%	-13.2%	-13.2%	19.6%
VN Diamond	-3.7%	-3.7%	-4.1%	28.4%	-15.4%	-15.4%	19.6%
Stay-at-home	-4.0%	-4.0%	-2.7%	34.8%	-2.3%	-2.3%	17.6%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-4.1%	-4.1%	-5.6%	23.2%	-13.4%	-13.4%	16.0%
Chiến tranh thương mại	-4.2%	-4.2%	-2.2%	38.9%	-12.0%	-12.0%	18.5%
FTSE Việt Nam	-4.3%	-4.3%	-5.6%	21.5%	-13.2%	-13.2%	17.0%
Dầu khí	-4.4%	-4.4%	-0.1%	40.1%	-24.3%	-24.3%	25.4%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-4.4%	-4.4%	2.4%	39.4%	-5.5%	-5.5%	22.5%
Corona Avengers	-4.6%	-4.6%	-1.3%	45.5%	-4.1%	-4.1%	22.2%
Ngân Hàng	-4.6%	-4.6%	-1.3%	30.3%	-6.3%	-6.3%	23.4%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-5.2%	-5.2%	-6.4%	32.1%	-15.6%	-15.6%	21.5%
Hàng tiêu dùng	-5.4%	-5.4%	-5.5%	40.1%	-9.6%	-9.6%	19.9%
Lãi suất giảm	-6.5%	-6.5%	-3.2%	38.0%	-9.0%	-9.0%	19.4%
Mục tiêu	3/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
M22	-3.1%	-3.1%	-2.6%	34.3%	-5.6%	-5.6%	18.9%
L11	-3.3%	-3.3%	-1.1%	27.9%	-11.3%	-11.3%	17.6%
M12	-3.6%	-3.6%	-3.5%	27.0%	-9.4%	-9.4%	20.0%
S11	-3.9%	-3.9%	-1.2%	24.6%	-4.8%	-4.8%	18.9%
L32	-4.2%	-4.2%	-2.1%	46.0%	-11.5%	-11.5%	21.1%
M31	-4.2%	-4.2%	-2.2%	30.9%	-10.6%	-10.6%	21.2%
S32	-4.4%	-4.4%	-4.0%	39.6%	-18.1%	-18.1%	22.5%
S21	-6.2%	-6.2%	-6.4%	28.6%	-13.0%	-13.0%	20.0%
L22	-7.3%	-7.3%	-6.4%	31.3%	-13.9%	-13.9%	19.9%
Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	-3.4%	-3.4%	-1.4%	33.9%	-3.6%	-3.6%	17.6%
HIGH3	-3.6%	-3.6%	-4.4%	33.3%	-5.0%	-5.0%	19.2%
LOW1	-3.8%	-3.8%	-2.7%	24.7%	-8.0%	-8.0%	17.2%
INDEX							
VNINDEX	-3.6%	-3.6%	-3.7%	25.7%	-13.4%	-13.4%	16.9%
VN30INDEX	-3.6%	-3.6%	-3.4%	27.5%	-11.4%	-11.4%	17.5%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	24	12	12	12	12	18	6
Mục tiêu	9	3	6	3	6	6	3
Rủi ro	3	2	1	2	1	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Vũ Quốc Khánh

kanhvuq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

NVL_Xu hướng tăng

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: NVL đang trong quá trình hình thành xu hướng tăng giá sau nhịp tích lũy trung hạn tại vùng giá 52-53. Thanh khoản cổ phiếu vẫn duy trì ở ngưỡng giao dịch trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều ủng hộ xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đang thành hình. Như vậy, nhà đầu tư có thể mở vị thế quanh ngưỡng giá 55.0 và có thể cân nhắc chốt lãi tại ngưỡng kháng cự 60-61 trong các phiên giao dịch tới. Cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 53.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_ Tín hiệu tích cực

[Link](#)

GVR_ Tín hiệu tích cực

[Link](#)

PC1_ Tăng giá

[Link](#)

CTI_ Xu hướng tăng

[Link](#)

VNM_ Hưng phấn

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 15/06

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	35.51	-2.07%	-7.02%	38.28%	-31.97%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	38.25	-1.24%	-6.25%	20.89%	-38.20%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	111.38	-0.93%	-6.79%	26.31%	-33.02%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1715.08	-0.91%	0.97%	-0.88%	21.66%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.22	-1.55%	-3.12%	8.48%	12.85%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	874.50	-0.60%	-0.40%	3.43%	-7.66%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	507.00	-0.15%	-1.98%	0.35%	-10.34%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.42	-0.15%	2.72%	39.86%	22.64%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	143.78	-2.79%	-5.08%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.94	-0.83%	-0.75%	14.37%	-14.59%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	96.45	-0.57%	-4.22%	-9.31%	-13.34%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	5784.50	0.35%	1.66%	10.04%	-0.64%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	507.48	-0.06%	-1.08%	4.16%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1585.00	-1.03%	-0.41%	7.28%	-10.17%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	108.94	1.20%	-0.92%	19.57%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	52.95	1.05%	-5.78%	-4.77%	-32.29%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

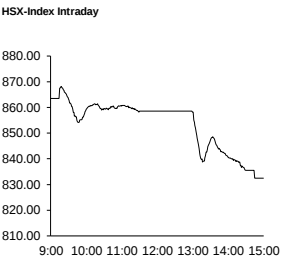
Giá dầu

- Giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giao tháng 7 mất gần 1 USD, tương đương 2,7%, xuống 35,3 USD/thùng. Dầu Brent hợp đồng tháng 8 mất 0,87 USD, tương đương 2,25%, xuống 37,86 USD/thùng.
- Việc giá dầu thế giới tiếp tục giảm mạnh ngày đầu tuần được lý giải do các nhà đầu tư đang “tạm dừng các hoạt động mua bán” vì có thông tin Tổ chức các nhà sản xuất dầu mỏ và đồng minh (OPEC+) sẽ họp bất thường tiếp trong thời gian tới. Kể đến, số ca nhiễm Covid-19 tại Mỹ tăng vọt và thông tin mới nhất là một ổ dịch mới tại Bắc Kinh (Trung Quốc) mới bùng phát vào cuối tuần qua khiến thị trường xăng dầu thế giới trở nên “nhạy cảm hơn bao giờ hết”.

Giá vàng

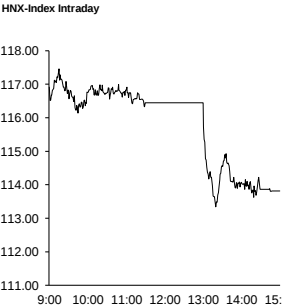
- Giá vàng giảm xuống 1.715 USD/ounce. Giá vàng tương lai giao tháng 8 trên sàn Comex New York giảm 3,5 USD xuống 1.733,8 USD/ounce.
- Giá vàng giảm do giới đầu tư vẫn cảm thấy bất an với việc chứng khoán giảm sâu, do sự lây nhiễm gia tăng Covid-19 tại Mỹ và việc Fed cảnh báo nền kinh tế Mỹ sẽ giảm 6,5%

Hình 1



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

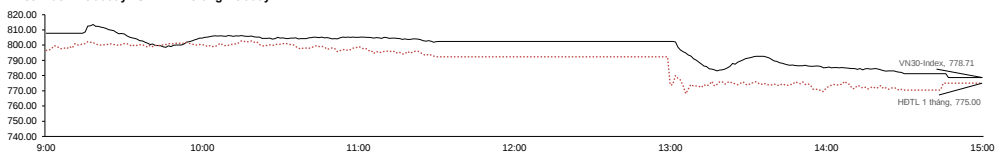
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày	
Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	-4.66%
Dịch vụ tài chính	-4.35%
Ngân hàng	-4.21%
Thực phẩm và đồ uống	-4.13%
Bán lẻ	-4.08%
Bất động sản	-3.84%
Tài nguyên Cơ bản	-3.60%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-3.19%
Dầu khí	-3.09%
Du lịch và Giải trí	-2.82%
Bảo hiểm	-2.31%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-2.30%
Công nghệ Thông tin	-1.91%
Xây dựng và Vật liệu	-1.67%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.36%
Truyền thông	-1.20%
Y tế	-0.85%
Hóa chất	0.46%
Viễn thông	3.20%

Nguồn: FiinPro

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F2006	775.00	-3.73%	-3.71	-30.7%	208,388	6/18/2020	5
VN30F2007	763.00	-3.94%	-15.71	51.1%	5,101	7/16/2020	33
VN30F2009	754.50	-3.52%	-24.21	-26.3%	323	9/17/2020	96
VN30F2012	754.00	-3.47%	-24.71	195.5%	1,241	12/17/2020	187

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index giảm 29.05 điểm xuống mức 778.71 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, TCB, VPB, HPG và VHM tác động mạnh đến trạng thái giảm của VN30. Chỉ số VN30 duy trì trạng thái giảm trong suốt phiên sáng và tiếp tục đợt ngọt giảm mạnh vào đầu phiên chiều. VN30 có thể sẽ chưa có được sự hồi phục trong những phiên tới.

• Các HDTL hầu hết đều giảm điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số. VN30F2007 và VN30F2012 đều tăng về khối lượng giao dịch và vị thế mở, trong khi VN30F2006 và VN30F2009 giảm. Điều này báo hiệu những diễn biến khó lường của chỉ số trong thời gian tới. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 830 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVNM2004	SSI	11/30/2020	168	1:1	30,500	#DIV/0!	2.0 triệu	31.05%	17,500	14,810	N/A	7,913.80	1.87
CVHM2002	SSI	11/30/2020	168	1:1	22,400	#DIV/0!	1.5 triệu	35.61%	11,500	8,190	N/A	4,638.00	1.77
CMWG2007	SSI	11/30/2020	168	1:1	17,650	#DIV/0!	2.0 triệu	39.76%	12,900	10,180	N/A	7,742.30	1.31
CHPG2008	SSI	11/30/2020	168	1:1	61,700	#DIV/0!	5.0 triệu	36.25%	4,100	2,800	N/A	1,706.60	1.64
CSTB2001	KIS	6/19/2020	4	1:1	1,530,580	118.1%	5.0 triệu	40.36%	1,500	950	31.94%	1,059.30	0.90
CSTB2003	KIS	9/16/2020	93	1:1	320,230	-50.6%	3.0 triệu	40.36%	1,360	2,120	9.28%	1,566.20	1.35
CHDB2003	KIS	12/16/2020	184	2:1	153,500	271.8%	2.0 triệu	39.37%	2,700	1,680	7.69%	809.50	2.08
CHPG2005	VND	10/1/2020	108	1:1	31,020	-80.5%	2.0 triệu	36.25%	2,100	7,000	-5.28%	6,778.80	1.03
CFPT2003	SSI	11/9/2020	147	1:1	14,960	-20.3%	2.0 triệu	32.49%	7,300	9,280	-6.73%	7,063.00	1.31
CFPT2004	SSI	8/10/2020	56	1:1	31,810	19.8%	2.0 triệu	32.49%	5,100	6,780	-7.00%	5,045.20	1.34
CDPM2002	KIS	12/16/2020	184	1:1	67,550	-60.6%	2.0 triệu	40.42%	1,700	2,100	-8.70%	1,125.60	1.87
CVNM2003	MBS	9/4/2020	81	10:1	558,730	97.9%	3.0 triệu	31.05%	1,450	2,350	-9.62%	1,970.90	1.19
CTCB2004	MBS	8/18/2020	64	2:1	161,300	-27.3%	2.0 triệu	36.19%	1,050	1,910	-15.11%	1,705.20	1.12
CMSN2001	KIS	12/16/2020	184	5:1	110,330	87.8%	2.0 triệu	34.06%	2,300	1,280	-15.23%	540.60	2.37
CVPB2005	MBS	8/18/2020	64	2:1	219,490	-25.2%	2.0 triệu	43.77%	1,510	1,780	-17.97%	1,444.30	1.23
CVNM2002	KIS	12/16/2020	184	5:1	98,960	158.0%	3.0 triệu	31.05%	3,200	1,290	-20.37%	509.50	2.53
CMSN2004	MBS	9/4/2020	81	5:1	170,390	10.5%	1.5 triệu	34.06%	1,980	1,320	-22.35%	923.70	1.43
CMBB2002	SSI	8/10/2020	56	1:1	507,370	-26.3%	3.0 triệu	34.33%	1,300	880	-26.67%	563.40	1.56
CPNJ2004	MBS	8/18/2020	64	5:1	376,580	5.9%	2.5 triệu	36.28%	1,000	400	-27.27%	159.90	2.50
CVHM2001	KIS	12/16/2020	184	5:1	106,740	172.3%	2.0 triệu	35.61%	3,100	1,090	-31.88%	280.20	3.89
Tổng:					4,561,290		47.50 triệu	36.30%**					

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 15/6/2020, chứng khoán cơ sở và chứng quyền đa số đều ở trong sắc đỏ. Khối lượng giao dịch tăng so với phiên hôm trước.

• Về giá, CSTB2004 và CHDB2001 tăng mạnh nhất lần lượt là 45.2% và 33.3%, ở chiều hướng ngược lại, CREE2001 và CREE1905 giảm mạnh nhất lần lượt là 60% và 50%. Thanh khoản thị trường tăng 9.65%. CSTB2001 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 14.31% thị trường.

• Hầu hết chứng quyền đều có giá thị trường cao hơn giá lý thuyết, ngoại trừ CSTB2001. CVNM2003 và CHPG2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinh@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
STB	12.05	2.12	0.59
EIB	18.20	1.68	0.41
HDB	27.30	1.49	0.35
NVL	55.20	0.55	0.13
POW	10.50	0.48	0.03

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	112.0	-5.08	-4.44
VPB	21.6	-6.49	-3.36
TCB	20.1	-4.96	-3.13
VHM	70.0	-6.67	-2.55
HPG	25.4	-4.15	-2.39

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVNM2004	135,500	118,000	112,000
CVHM2002	88,500	77,000	70,000
CMWG2007	99,900	87,000	82,500
CHPG2008	32,100	28,000	25,400
CSTB2001	12,499	10,999	12,050
CSTB2003	12,471	11,111	12,050
CHDB2003	37,523	32,123	27,300
CHPG2005	21,100	19,000	25,400
CFPT2003	57,300	50,000	46,000
CFPT2004	55,100	50,000	46,000
CDPM2002	16,952	15,252	13,750
CVNM2003	108,500	94,000	112,000
CTCB2004	19,100	17,000	20,100
CMSN2001	77,289	65,789	56,400
CVPB2005	22,520	19,500	21,600
CVNM2002	157,111	141,111	112,000
CMBB2002	64,900	55,000	56,400
CPNJ2004	72,000	67,000	57,200
CVHM2001	110,067	94,567	70,000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	82.5	-4.1%	1.2	1,624	4.1	8,808	9.4	2.8	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	57.2	-3.9%	1.3	560	2.1	5,248	10.9	2.6	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	47.2	-2.3%	1.3	1,523	2.6	1,307	36.1	1.8	28.3%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	30.4	-1.6%	0.4	295	0.0	2,092	14.5	1.0	54.3%	7.0%
VIC	Bất động sản	89.0	-3.1%	0.8	13,089	3.1	2,095	42.5	3.7	14.0%	10.6%
VRE	Bất động sản	25.0	-3.5%	1.1	2,470	2.3	1,226	20.4	2.1	30.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	55.2	0.5%	0.8	2,327	3.7	3,584	15.4	2.4	5.9%	16.3%
REE	Bất động sản	30.3	-1.8%	0.8	408	0.6	4,976	6.1	0.9	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	11.7	-2.5%	1.4	264	2.9	2,289	5.1	0.9	40.3%	15.9%
SSI	Chứng khoán	14.5	-6.8%	1.3	378	4.7	1,415	10.2	0.8	50.2%	7.8%
VCI	Chứng khoán	21.5	-6.9%	1.0	154	1.0	4,240	5.1	0.9	28.4%	18.0%
HCM	Chứng khoán	18.0	-6.8%	1.8	238	3.6	1,480	12.1	1.2	53.0%	12.0%
FPT	Công nghệ	46.0	-2.1%	0.8	1,568	2.4	4,804	9.6	2.1	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	51.9	-0.2%	0.4	561	0.0	4,812	10.8	2.7	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	72.1	-3.4%	1.5	6,000	1.8	5,820	12.4	2.7	3.4%	23.6%
PLX	Dầu khí	44.0	-2.7%	1.5	2,278	1.2	869	50.6	2.8	13.3%	5.7%
PVS	Dầu khí	11.9	-4.8%	1.5	247	4.1	1,238	9.6	0.5	11.9%	4.8%
BSR	Dầu khí	6.9	-1.4%	0.8	930	1.4	898	7.7	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	90.2	-0.3%	0.5	513	0.1	5,046	17.9	3.3	54.4%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.8	-3.5%	0.4	234	2.1	1,006	13.7	0.7	11.5%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.4	-0.2%	0.5	193	0.7	415	20.2	0.7	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	82.0	-4.2%	1.2	13,223	4.4	4,848	16.9	3.6	23.8%	22.8%
BID	Ngân hàng	39.9	-6.1%	1.4	6,977	2.7	2,140	18.6	2.1	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	22.3	-4.3%	1.2	3,610	7.9	2,510	8.9	1.1	29.9%	12.6%
VPB	Ngân hàng	21.6	-6.5%	1.2	2,289	5.6	3,750	5.8	1.2	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.0	-3.7%	1.1	1,782	6.8	3,398	5.0	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	23.3	-4.9%	1.0	1,684	6.1	3,780	6.2	1.3	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	48.8	-1.8%	0.9	174	0.3	5,303	9.2	1.6	80.6%	17.0%
NTP	Nhựa	36.9	-0.3%	0.4	157	0.0	4,208	8.8	1.4	18.8%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.5	-7.2%	0.5	667	0.1	356	43.5	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	25.4	-4.2%	1.1	3,049	12.7	2,764	9.2	1.4	35.7%	17.4%
HSG	Thép	10.7	-3.2%	1.5	206	6.5	1,493	7.1	0.8	13.4%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	112.0	-5.1%	0.7	8,480	10.3	5,453	20.5	6.5	58.9%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	166.0	-3.5%	0.8	4,628	0.3	6,719	24.7	6.2	63.4%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	56.4	-3.6%	1.0	2,866	6.4	3,961	14.2	1.6	39.1%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.7	-5.2%	0.7	375	1.5	171	86.1	1.2	6.0%	1.5%
ACV	Vận tải	62.0	-3.1%	0.8	5,868	0.6	3,450	18.0	3.7	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	109.0	-3.9%	1.1	2,483	3.0	7,110	15.3	3.8	18.4%	26.3%
HVN	Vận tải	27.2	-2.2%	1.7	1,677	2.5	1,654	16.4	2.1	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	19.0	-4.0%	0.9	245	0.2	1,583	12.0	0.9	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.4	-3.7%	1.1	127	0.6	2,117	4.9	0.6	25.4%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	60.5	-3.2%	0.9	408	0.8	9,201	6.6	2.8	2.8%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.7	-1.1%	0.8	365	0.2	1,453	12.9	1.3	9.9%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.7	0.0%	1.0	227	0.2	1,938	7.1	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	62.8	-7.0%	1.1	208	1.1	8,032	7.8	0.6	46.4%	7.3%
VCG	Xây dựng	25.0	-0.8%	0.4	480	0.1	1,498	16.7	1.6	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	18.7	-4.1%	0.3	194	1.6	1,775	10.5	0.9	40.2%	8.5%
POW	Điện	10.5	0.5%	0.6	1,069	3.7	1,028	10.2	0.9	11.7%	9.4%
NT2	Điện	20.0	-3.1%	0.5	250	0.6	2,543	7.9	1.3	17.9%	18.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GVR	12.40	2.06	0.29	3.87MLN
STB	12.05	2.12	0.14	31.27MLN
HDB	27.30	1.49	0.11	2.67MLN
EIB	18.20	1.68	0.11	126000.00
NVL	55.20	0.55	0.08	1.53MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	-0.01	-4.79	3.36MLN	1.11MLN
VCB	0.00	-3.82	1.22MLN	607060.00
BID	-0.01	-2.99	1.50MLN	373600.00
VNM	-0.01	-2.99	2.06MLN	192700.00
VIC	0.00	-2.71	791710.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DCL	22.95	6.99	0.02	214020.00
HRC	39.80	6.99	0.02	430.00
FIT	7.66	6.98	0.04	3.11MLN
HAS	7.06	6.97	0.00	2300.00
SGT	6.77	6.95	0.01	45040.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DTA	4.65	-7.00	0.00	7800.00
TDH	9.30	-7.00	-0.02	2.31MLN
VRC	7.71	-7.00	-0.01	372790.00
TNI	7.05	-6.99	-0.01	14.88MLN
QBS	3.33	-6.98	-0.01	498070.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHN	8.60	8.86	0.08	7600.00
NDN	17.00	3.03	0.02	787700.00
DST	7.90	9.72	0.02	2.12MLN
TAR	21.50	3.37	0.01	1.45MLN
NTH	30.00	6.01	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.30	-4.90	-1.91	5.88MLN
SHB	15.80	-1.25	-0.26	7.10MLN
PVS	11.90	-4.80	-0.14	7.70MLN
SHS	12.30	-3.91	-0.07	2.89MLN
OCH	7.50	-9.64	-0.07	100.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

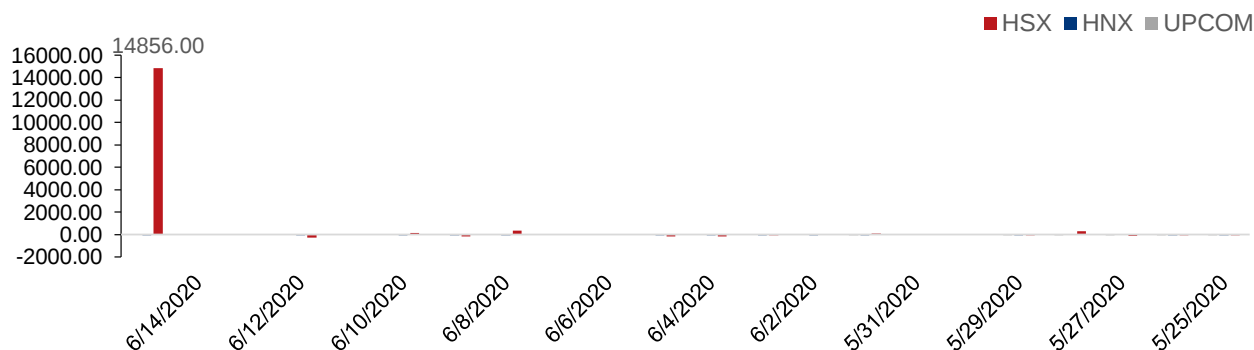
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.90	12.5	0.00	519000.00
TMX	14.30	10.0	0.00	100.00
TTZ	2.20	10.0	0.00	245100.00
MCC	13.30	9.9	0.00	4700.00
DST	7.90	9.7	0.02	2.12MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.60	-14.29	0.00	847000.00
MBS	10.00	-13.04	-0.06	233500.00
IDJ	12.60	-10.00	-0.04	531000.00
KSQ	1.80	-10.00	-0.01	311600.00
KVC	0.90	-10.00	-0.01	719900.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
4	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
8	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
12	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
13	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	56.4	3,961	14.2	1.6	Click
2	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	38.5	4,717	8.2	1.4	Click
3	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	10.7	1,493	7.1	0.8	Click
4	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	42.0	5,479	7.7	2.1	Click
5	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	18.7	1,140	16.4	1.6	Click
6	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	25.4	2,764	9.2	1.4	Click
7	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	20.1	2,987	6.7	1.1	Click
8	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	57.2	5,248	10.9	2.6	Click
9	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	135.6	5,718	23.7	8.4	Click
10	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	11.7	2,289	5.1	0.9	Click
11	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	14.5	1,496	9.7	0.9	Click
12	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	20.3	7,637	2.7	0.9	Click
13	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	21.8	5,311	4.1	1.0	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	27.2	4,465	6.1	1.2	Click
15	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	82.0	4,848	16.9	3.6	Click
16	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	23.3	3,780	6.2	1.3	Click
17	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	34.0	6,553	5.2	1.2	Click
18	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	48.9	3,887	12.6	2.5	Click
19	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	46.0	4,804	9.6	2.1	Click
20	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	19.0	1,583	12.0	0.9	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HDTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VGI 2020Q2	29/5/2020	Dự báo KQKD: Doanh thu tăng trưởng 10-15%, LNTT 2020 đạt dương. Không chia cổ tức năm 2019 Về ảnh hưởng của dịch Covid đến hoạt động viễn thông dự kiến doanh thu dịch vụ giảm 10% vì Covid -19. Hành vi người tiêu dùng thay đổi: (1) Ở nhà nên doanh thu chủ yếu từ thuê bao (2) Nhu cầu giao dịch giảm. Tuy nhiên, công ty vẫn giữ kế hoạch cả năm tăng trưởng dương Về triển khai Mobile Money tại Việt Nam Ví điện tử tại các thị trường VGI đầu tư: (1) có liên kết với ngân hàng và chỉ có tại các nước chậm phát triển (2) các nước phát triển có thói quen dùng visa. Việt Nam đang xin cấp phép để thử nghiệm về thanh toán (1) một số hàng hóa (2) có giới hạn số tiền được chi trả mỗi tháng (3) không có tài khoản ngân hàng đảm bảo (4) nhà mạng phải ký quỹ với Ngân hàng nhà nước. Thách thức trong việc triển khai ví điện tử tại các thị trường của VGI (1) tìm đối tác là ngân hàng (2) xin được giấy phép. Khuyến nghị THEO DÕI: Giá mục tiêu 44210 ; Giá tại Publish 40000 BSC ước tính lợi nhuận sau thuế của VEA trong năm 2020 đạt 5,921 tỷ VND (-19% yoy) tương đương với 4,421 đồng/cp, P/E fwd = 9x (thấp hơn P/E trung bình khu vực 10.7x – mục lục) với giả định (1) sản lượng tiêu thụ xe máy năm 2020 giảm -10% yoy (2) sản lượng tiêu thụ ô tô (Honda, Toyota) giảm -30% yoy (3) mức lợi nhuận ròng của Honda ở mức 15.5% (giảm từ mức 16% năm 2019), lợi nhuận ròng Toyota ở mức 10.5% (giảm từ 11% năm 2019). Luận điểm đầu tư: (1) Doanh nghiệp có vị thế tiền mặt và tiền gửi ngân hàng dồi dào hàng năm và được quản lý tốt, (2) Thu nhập từ 3 liên doanh đảm bảo chính sách cổ tức hấp dẫn, chúng tôi kỳ vọng giai đoạn 2020 - 2021, doanh nghiệp sẽ trả cổ tức khoảng 4,300-5,200 đồng/cổ phiếu tương đương lợi suất cổ tức 9-10%.
Express DGC3 2020Q2	26/5/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: + Tập đoàn DGC: tăng LNST kế hoạch 2020 lên 700 tỷ (từ mức 600 tỷ) (+22.4% YoY). + Công ty con: PAC: năm 2019 lãi 10 tỷ, Q1.20: lãi 30 tỷ, dự kiến 2020 lãi 100 tỷ Trong năm 2019: + Việc không điều chỉnh giá bán P4 trong khi nhu cầu tiêu thụ thấp khiến KQKD sụt giảm, mất nhiều thị trường => Dấu hiệu: khả năng purchase power thấp + Sau khi mua thêm 2 lô cao, thị phần đạt 70%. 6 lô cao: 1 + 2: 50 – 60% công suất, 3 + 4: pháp phù, 5: chạy full, 6: còn đang lỗ P4 sử dụng tại Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan: dùng trong chất bán dẫn, màn hình tinh thể lỏng. Nhu cầu 5G cũng sẽ thúc đẩy nhu cầu của P4. Nếu tăng thuế xuất khẩu P4 lên 20% (hiện tại: 5%), DGC chỉ có thể chuyển 1 phần sang cho khách hàng (5- 10%) do khách hàng có thể mua từ Morocco. Khuyến nghị THEO DÕI: Giá mục tiêu 25000 ; Giá tại Publish 21300 Dự báo KQKD: BSC dự báo TCB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 25,163 tỷ VND và 14,159 tỷ VND (giảm lần lượt 3% và 6.7% so với báo cáo trước). BVPS 2020 ở mức 20,947 VND/cp. Catalyst: Chất lượng tài sản được kiểm soát tốt trong điều kiện dịch bệnh. Định giá ở mức hấp dẫn. Rủi ro Đầu tư: Dịch bệnh khiến ảnh hưởng kết quả kinh doanh và chất lượng tài sản. Cập nhật KQKD: (1) LNTT +19.2% yoy, trong đó tín dụng +3.7% ytd, NIM - 3 bps so với cuối năm 2019. (2) Thu nhập ngoài lãi +75.6%, trong đó: phí dịch vụ +51.5% yoy, ACB cũng ghi nhận 560 tỷ từ CK đầu tư. (3) Chi phí tín dụng tăng mạnh +462% yoy do ảnh hưởng bởi COVID-19. (4) Tỷ trọng cho vay cá nhân và SME ở mức cao (~63% tổng dư nợ cho vay). Trong đó, tỷ lệ cho cá nhân vay mua nhà ở mức ~80% dư nợ cho vay cá nhân, ~35% cho vay toàn ngân hàng. (5) Giảm lãi suất huy động ngắn hạn hỗ trợ giảm chi phí vốn cho TCB. (6) Chất lượng tài sản cải thiện nhẹ, dự kiến NPL <2% trong năm 2020. Khuyến nghị MUA: Giá mục tiêu 145900 ; Giá tại Publish 125000
VTP 2020Q2	19/5/2020	Dự báo KQKD: BSC dự báo năm 2020 doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt 11,358 tỷ (+45.4% YoY) và 482 tỷ (+26.8% YoY). EPS fw 2020 đạt 7,085 VND, tương ứng với mức PE fw 2020 là 17.6. Rủi ro Đầu tư: Cạnh tranh giữa các công ty Bưu chính truyền thống và các công ty khởi nghiệp Chuyển phát nhanh. Cập nhật KQKD: Viettel Post công bố kết quả kinh doanh quý 1 năm 2020 với tốc độ tăng trưởng hai chữ số. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 2,460 tỷ (+83.6% YoY) và 97 tỷ (+26.2% YoY).



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chép hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn

Cộng Trại

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyễn

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn